

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **160/2020/HS-PT**

Ngày 16/11/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Vĩnh Chuyên**

Các Thẩm phán:

Ông **Bùi Trọng Danh**

Bà **Dương Thị Hồng Minh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Bạch Tuyết** - Kiểm sát viên.

Ngày 16/11/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 126/2020/TLPT-HS ngày 15/10/2020 đối với các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị Mỹ D do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2020/HS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị H, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1993; Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lễ tân ; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị C (*Đều còn sống*); chưa có chồng; có 01 con nuôi sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Chưa;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/02/2020 đến ngày 27/3/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho tại ngoại. Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị Mỹ D, (tên thường gọi H); sinh ngày 25 tháng 7 năm 1982; Nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: Tổ 3x phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không ; Trình độ học vấn: 02/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (*còn sống*) và bà Lê Thị T (*Chết*); Có chồng Bùi Ngọc L (*đã ly hôn*) và (*có 02 (hai) con lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất 2013*); Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 21 giờ 45 phút ngày 17/02/2020, tại tiệm cắt tóc H số 6x đường T, phường H, quận C phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Mỹ D đang có hành vi “*Chứa mại dâm*” cho Nguyễn Thị Mỹ D và Lê Thị M bán dâm cho khách là Phan Tấn B và Đặng Tiến D.

Qua điều tra xác định được hành vi chứa mại dâm của Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị Mỹ D cụ thể như sau:

Khoảng đầu tháng 9/2019, Nguyễn Thị H nảy sinh ý định tổ chức điểm bán dâm, trá hình bằng hình thức tiệm cắt tóc nam trên tuyến đường T, thuộc phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do H không có giấy phép kinh doanh dịch vụ cắt tóc nên đã rủ Nguyễn Thị Mỹ D và thống nhất sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ cắt tóc của D để thuê căn nhà số 6X đường T của bà Ngô Thị L mở tiệm cắt tóc trá hình tên “H” nhưng thực chất là để cho người khác thuê địa điểm để mua bán dâm. Đến ngày 22/12/2019, để mở rộng địa điểm chứa mại dâm H thuê tiếp căn nhà số 6xx đường T của bà Nguyễn Thị C với giá 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*)/tháng để mở quán cắt tóc trá hình tên “A”. Quá trình hoạt động, H là người trả tiền thuê nhà và chuẩn bị dụng cụ bao cao su, khăn ướt phục vụ cho việc mua bán dâm.

Lúc đầu, Nguyễn Thị Mỹ D vừa trông coi quán vừa trực tiếp bán dâm cho khách. Từ tháng 11/2019 đến tháng 01/2020, thì H2, A và Lê Thị M xin ở lại quán để bán dâm hằng ngày. Ngoài ra, còn có một số gái mại dâm khác tên: T, D, N, P (*chưa xác định được nhân thân, lai lịch*) đã từng đến địa điểm của H để bán dâm nhưng không thường xuyên.

Gái mại dâm đến quán hoạt động không thông qua giới thiệu mà trực tiếp đến quán xin và phải được sự đồng ý của H. Nếu H không có tại quán, Dg gọi điện thông báo để H đến trực tiếp xem và đồng ý mới được vào làm. Hoạt động bán dâm diễn ra từ khoảng 17 giờ 00 đến 01 giờ 00 ngày hôm sau. Gái mại dâm thường đứng trước quán để khách đến có thể nhìn thấy và trực tiếp trao đổi, thỏa thuận việc mua, bán dâm với gái mại dâm. Khách đến mua dâm đều phải đưa tiền trước,

sau đó, gái mại dâm sẽ dẫn người mua dâm vào các căn lều được H bố trí tại số nhà 6x, 6xx đường T để thực hiện hành vi giao cấu cho đến khi xuất tinh hoặc hết thời gian 20 phút thì tính một lượt bán dâm. Mỗi lượt bán dâm cho khách quy định thấp nhất là 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), H thu của gái mại dâm số tiền là 50.000đ (*Năm mươi ngàn đồng*). Hằng ngày, H có mặt tại quán từ khoảng 20 giờ 00 đến 01 giờ 00 ngày hôm sau để quản lý việc mua, bán dâm. Gái mại dâm nhận tiền của khách phải đưa hết cho H để H chấm công thông qua việc đánh dấu chéo trong sổ thống kê (*mỗi dấu chéo tương ứng một lượt*). Hết đêm (*khoảng 17 giờ 00 đến 01 giờ 00 ngày hôm sau*) H tổng kết lại số lượt bán dâm của từng gái mại dâm và lấy 50.000đ (*Năm mươi ngàn đồng*)/lượt, rồi đưa số tiền còn lại cho gái mại dâm. Thời gian đầu, H ghi chép thống kê việc bán dâm bằng nhiều tờ giấy, sau này do dễ bị thất lạc nên H sử dụng một cuốn vở học sinh để ghi chép thống kê việc bán dâm.

Ngày 17/02/2020, trong khoảng thời gian từ 20 giờ 00 đến 21 giờ 00, tại lều ở số 6x và 6xx đường T, nhân viên của quán là A bán dâm 03(*ba*) lượt cho 03(*ba*) khách thu được số tiền 450.000đ (*Bốn trăm năm mươi ngàn đồng*), H lấy 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), H2 bán dâm 03(*ba*) lượt cho 02 khách (*trong đó có một khách 02 lượt*) thu được số tiền 450.000đ (*Bốn trăm năm mươi ngàn đồng*), H giữ hết 450.000đ (*Bốn trăm năm mươi ngàn đồng*). D bán dâm được 01 lượt khách thu được 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), H giữ hết. Đến khoảng 21 giờ 15 phút, Phan Tấn B điều khiển xe mô tô hiệu Honda Lead, BKS: 43T2 – 86XX chở Đặng Tiến D đến tiệm cắt tóc số 6x đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng để mua dâm. Đến nơi, cả hai thỏa thuận với nhân viên quán mua dâm với số tiền: 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*)/lượt. Cụ thể Nguyễn Thị Mỹ D là người trực tiếp bán dâm cho Phan Tấn B. Lê Thị M là người bán dâm cho Đặng Tiến D. Sau khi thống nhất bán dâm dưới hình thức giao cấu, B và D vào lều phía trong cùng của ngôi nhà, D và M vào lều đầu tiên của ngôi nhà. Tại đây, do trong người chỉ còn 149.000 đồng (*Một trăm bốn mươi chín ngàn đồng*) nên B đưa cho D thì D đồng ý bán dâm, D đưa cho M 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*), M cầm tiền ra đưa H và lấy 50.000 đồng (*Năm mươi ngàn đồng*) của H đem vào trả lại cho D tiền thừa. Trong lúc đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Từ tháng 9/2019 đến thời điểm bị bắt quả tang, thông qua việc cho thuê địa điểm bán dâm, Nguyễn Thị H thu lợi bất chính số tiền 45.500.000 đồng (*Bốn mươi*

lăm triệu, năm trăm ngàn đồng). Còn Nguyễn Thị Mỹ D giúp sức cho Nguyễn Thị H trong việc chứa mại dâm và hưởng lợi thông qua hoạt động bán dâm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2020/HS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị Mỹ D phạm tội “*Chứa mại dâm*”

- *Về hình phạt:*

- *Căn cứ:* Điểm c Khoản 2 Điều 327; Điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H 03 (*ba*) năm tù, nhưng được trừ đi thời giam tạm giữ, tạm giam (*Từ ngày 17/02/2020 đến ngày 27/3/2020 là 01(một) tháng, 10 (mười) ngày*), còn lại bị cáo phải chấp hành là: 02 (*Hai*) năm 11 (*Mười một*) tháng; 20 (*Hai mươi*) ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- *Căn cứ:* Điểm c Khoản 2 Điều 327; Điểm n, r, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D 02 (*hai*) năm, 06 (*sáu*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo Bản án.

Ngày 21/9/2020, các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị Mỹ D đều có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin cứu xét theo trình tự phúc thẩm để xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị Mỹ D đều giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, xin HĐXX xem xét cho hoàn cảnh của các bị cáo hiện là những người mẹ đơn thân, đang nuôi con nhỏ, trong đó bị cáo D hiện đang có thai, nên xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, để có điều kiện làm ăn nuôi các con ăn học.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị Mỹ D theo đúng thủ tục và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung: Xét về nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo thì thấy: Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2020/HS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân quận

Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo về tội “*Chứa mại dâm*” theo Điểm c Khoản 2 Điều 327 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, về mức hình phạt tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo là nghiêm khắc, bởi các bị cáo hiện tại là những người phụ nữ đơn thân đang nuôi con còn nhỏ, đặt biệt bị D hiện đang có thai, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo H nhận thức được hành vi phạm tội của mình và tỏ ra ăn năn hối cải tự nguyện xin nộp số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) tiền thu lợi bất theo quyết định của Bản án sơ thẩm và một số loại giấy tờ gia đình có công cách mạng, bản thân bị bệnh đang trong giai đoạn điều trị. Xét đây là các tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa cấp phúc thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS chấp nhận một kháng cáo của các bị cáo sửa Bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, và không cho các bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị Mỹ D đều khai nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2019 đến ngày bị bắt quả tang 17/02/2020, tại tiệm cắt tóc nam có tên “*H*” và “*A*” ở số 6x và 6xx đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng do bị cáo Nguyễn Thị H là người trực tiếp quản lý và bị cáo và Nguyễn Thị Mỹ D là người vừa bán dâm vừa giúp bị H trong việc trông coi quản lý quán khi bị cáo H không có mặt tại quán đã có hành vi nhiều lần chứa chấp cho các gái mại dâm thực hiện việc mua bán dâm tại quán cắt tóc của mình để thu lợi bất chính, trong quá trình chứa mại dâm bị cáo H khai thu lợi bất chính số tiền là 45.500.000 đồng (*Bốn mươi triệu, năm trăm ngàn đồng*).

Vì vậy, các bị cáo thừa nhận Bản án hình sự sơ thẩm 37/2020/HS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo về tội “*Chứa mại dâm*” theo tình tiết định khung quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 327 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là đúng người, đúng pháp luật, không oan cho các bị cáo. Tuy nhiên, các bị cáo đều cho rằng mức hình phạt tù 03 (*ba*) năm đối với bị cáo H và 02 (*hai*) năm, 06 (*sáu*) tháng đối với bị cáo D là quá nặng, vì các bị cáo là phụ nữ đơn thân đang nuôi con nhỏ, lần đầu phạm tội, đã biết ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên xin

HĐXX xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương để có điều kiện lo cho các con ăn học.

[2]. Xét nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo, HĐXX thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng đã trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, xâm phạm đến đạo đức xã hội, nếp sống văn minh và thuần phong mỹ tục, đồng thời cũng là nguyên nhân làm lây truyền virus gây ra các bệnh nguy hiểm cho con người...Xét đây là vụ án có đồng phạm cùng tham gia, nhưng không mang tính tổ chức mà chỉ mang tính tự phát, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội từ 02 (*hai*) lần trở lên là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt tù có thời hạn và cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời là nhằm để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết. Mặt dù, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng khi lượng hình, song với mức hình phạt 03 (*ba*) năm tù đối với bị cáo H và 02 (*hai*), 06 (*sáu*) tháng tù đối với bị cáo D là nghiêm khắc. Tuy nhiên, HĐXX cấp phúc thẩm thấy rằng sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo H mặc dù hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng đã tự nguyện xin nộp bớt số tiền thu lợi bất chính, đồng thời bổ sung các loại giấy tờ gia đình bị cáo thuộc diện có công với đất nước, có bà nội, bà ngoại được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, Bà mẹ Việt Nam anh Hùng và bản thân bị cáo H hiện đang bị bệnh nan y (*phụ nữ*) trong giai đoạn điều trị theo chỉ định của bác sỹ chuyên khoa, bị cáo D hiện đang mang thai, có cha bị bệnh hiểm nghèo, đây là những tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa cấp phúc thẩm, xét các bị cáo hiện là những người phụ nữ đơn thân đang trực tiếp nuôi dưỡng các con còn nhỏ đang độ tuổi ăn học, bản thân các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, và tự thú khai ra các lần phạm tội trước đó, do các bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). Do đó, HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không cho các bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ : Điểm b Khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị Mỹ D, sửa Bản án sơ thẩm.

***Căn cứ:** Điểm c Khoản 2 Điều 327; Điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị H: 01 (một)** năm, **06 (sáu)** tháng tù về tội “*Chứa mại dâm*”, nhưng được trừ đi thời giam tạm giữ, tạm giam (*Từ ngày 17/02/2020 đến ngày 27/3/2020 là 01 (một) tháng, 10 (mười) ngày*), còn lại buộc bị cáo phải chấp hành là: **01 (một)** năm, **05 (năm)** tháng, **20 (hai mươi)** ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

***Căn cứ:** Điểm c Khoản 2 Điều 327; Điểm n, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Mỹ D: 01 (một)** năm, **03 (ba)** tháng tù về tội “*Chứa mại dâm*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) và Điều 106 BLTTHS.

Tiếp tục quy trừ tạm giữ số tiền: **15.000.000đ** (*Mười lăm triệu đồng*) do bị cáo Nguyễn Thị H tự nguyện nộp theo BL thu tiền số: 008177 ngày 12/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng nhằm đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị Mỹ D không phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- CQ THAHS – CA quận Cẩm Lệ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- CQCSĐT Công an quận Cẩm Lệ;
- Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

Phan Vĩnh Chuyển

